

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM
VIỆT - TRUNG
Số: 232 /VTM-VT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

"V/v: Thư mời chào giá cung cấp Thiết bị
điện - Tự động hóa"

Bảo Thắng, ngày 19 tháng 03 năm 2022

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm.

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM) tổ chức chào giá cạnh tranh, lựa chọn Nhà cung cấp (NCC) có đủ năng lực, tư cách pháp nhân thực hiện cung cấp vật tư, hàng hóa với các nội dung sau:

1. Tên đơn hàng: Thiết bị điện - Tự động hóa.
2. Hình thức chào giá: Chào giá cạnh tranh.
3. Phát hành hồ sơ mời chào giá: Hồ sơ mời chào giá được phát hành kèm theo Văn bản này.
4. Thời gian nhận hồ sơ chào giá:

Bên mời chào giá tổ chức nhận hồ sơ chào giá của các NCC trong khoảng thời gian từ 8 giờ 00 phút ngày 15/03/2022 đến trước 9 giờ 00 phút ngày 25/03/2022;

Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá: Văn Phòng Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung (VTM), KCN Tăng Loỏng, TT.Tăng Loỏng, H.Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

5. Thời điểm đóng, mở hồ sơ chào giá (HSCG):

- Bên mời chào giá sẽ tổ chức đóng, mở hồ sơ chào giá công khai tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung từ 9 giờ 00 phút ngày 25 tháng 03 năm 2022.

- Bên mời chào giá mời các NCC đã nộp HSCG chứng kiến và xác nhận việc đóng, mở các HSCG, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở HSCG vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá (TMCG) mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không có mặt của các NCC này.

Đề nghị các NCC gửi Hồ sơ chào giá theo nội dung hướng dẫn tại Hồ sơ mời chào giá do VTM phát hành. Trường hợp Hồ sơ chào giá không đáp ứng yêu cầu thì VTM có quyền loại bỏ xếp hạng Bên cung cấp báo giá mà không cần phải thông báo trước lý do.

Các NCC có thể tìm hiểu thêm thông tin tại:

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt – Trung (liên hệ thường trực Tổ tư vấn mua sắm vật tư số điện thoại: 0973.268299)

Địa chỉ: KCN Tăng Loỏng, TT.Tăng Loỏng, H.Bảo Thắng, Tỉnh Lào Cai.

Website: <https://www.vtmsteel.vn>



Handwritten signature

Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện kim Việt Trung rất mong nhận được sự hợp tác và bản chào giá tốt nhất của các nhà cung cấp.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BDH;
- Các thành viên TTVMSVT;
- Đăng website công ty;
- Lưu:VT, P.VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phú Dương



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM
VIỆT TRUNG**

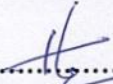
HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ


V/v mời chào giá cung cấp Thiết bị điện - Tự động hóa
(Ban hành kèm theo thư mời số 232./VTM-VT ngày 14. tháng 03 năm 2022)


Tên đơn hàng mua sắm: Thiết bị điện - Tự động hóa
Số hiệu đơn hàng: VTM-08032022-CA


Bảo Thắng, ngày 14 tháng 03 năm 2022


**CÁC THÀNH VIÊN TỔ TƯ VẤN
MUA SẮM**


Ngô Sỹ Hiếu.....

Dương Văn Toàn.....

Bùi Tiến Thắng.....

Ngô Văn An.....

Nguyễn Đức Trung.....

Nguyễn Thị Duyên.....

**BÊN MỜI CHÀO GIÁ
TỔNG GIÁM ĐỐC**

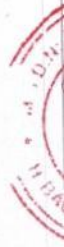


Nguyễn Phú Dương

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ TRONG HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Bên mời chào giá	Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung (VTM)
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSCG	Hồ sơ chào giá
VNĐ	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá
CĐ	Xưởng Cơ Điện
TK	Xưởng Thiêu Kết
LT	Xưởng Luyện Thép
LG	Xưởng Luyện Gang
NSX	Nhà sản xuất

Handwritten signature



Chương I.
CHỈ DẪN CHÀO GIÁ
ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP THAM GIA CHÀO GIÁ
Cung cấp vật tư, hàng hóa thuộc đơn hàng: Thiết bị điện - Tự động hóa.

I. CHỈ DẪN CHUNG:

1. Bên mời chào giá: Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung (VTM).

2. Tên đơn hàng và Phạm vi, tiến độ cung cấp của đơn hàng:

2.1. Tên đơn hàng: Thiết bị điện - Tự động hóa.

2.2. Phạm vi, tiến độ cung cấp của đơn hàng:

- Phạm vi cung cấp, yêu cầu tiến độ, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của HSMCG này.

- Đối với vật tư NCC chưa rõ về thông số kỹ thuật, model, vị trí lắp đặt ... NCC tham gia chào giá có thể liên hệ VTM để khảo sát thực tế thiết bị tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung nhằm đảm bảo lắp đặt tương thích/ đồng bộ với thiết bị của VTM.

2.3. Yêu cầu về chất lượng vật tư, hàng hóa:

+ Hàng hóa yêu cầu mới 100%, chưa qua sử dụng. ✓

+ Đảm bảo các quy định tại Chương II của HSMCG này.

3. Các yêu cầu về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của NCC:

3.1. Tư cách hợp lệ và các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của NCC

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan thẩm quyền cấp phù hợp với mặt hàng chào giá. Trong trường hợp liên danh, phải có các tài liệu này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Người ký đơn chào giá và biểu giá phải là đại diện theo pháp luật.

- Có khả năng huy động vốn, phương tiện, thiết bị và nhân lực thực hiện công việc đáp ứng yêu cầu về chất lượng, khối lượng và tiến độ. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm cạnh tranh trong quá trình tham gia chào giá;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

3.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm để làm cơ sở đánh giá năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 10.2, bao gồm:

- Bản kê khai thông tin về NCC (theo mẫu số 6 Chương III);

- Báo cáo tài chính năm 2021 hoặc 2020 (đối với NCC chưa thực hiện xong báo cáo tài chính năm 2021) của đơn vị tham gia chào giá.

- Bản kê khai năng lực tài chính của NCC (theo mẫu số 7 Chương III);
- Trong trường hợp liên danh, phải có thỏa thuận liên danh của các thành viên trong liên danh (theo mẫu số 04 Chương III).
- Bản sao công chứng (thời gian công chứng trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm đóng hồ sơ chào giá) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan thẩm quyền cấp phù hợp với mặt hàng chào giá.
- Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào giá và biểu giá (Bản gốc hoặc bản sao công chứng giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương bản sao công chứng).
- Bản công chứng các Hợp đồng cung cấp vật tư, hàng hóa tương tự của Đơn vị Cung cấp báo giá đã hoàn thành trong 2 năm gần nhất (02 hợp đồng).

4. Các yêu cầu về thương mại

4.1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a) Giá chào:

- Giá chào là giá do NCC ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện đơn hàng trên cơ sở yêu cầu của HSMCG, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác.

- Trường hợp NCC báo giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSCG của NCC sẽ bị loại.

b) Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSCG. Trong đề xuất giảm giá, NCC cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi cung cấp. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp HSCG sẽ không được chấp nhận.

c) NCC tham gia chào giá có thể chào theo 1 trong 2 hình thức sau:

- Chào giá toàn bộ các Nhóm hàng hóa thuộc Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của HSMCG.

- Chào giá 1 hay nhiều Nhóm hàng hóa thuộc Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của HSMCG.

Tuy nhiên, trong mọi hình thức NCC tham gia chào giá Nhóm hàng hóa nào thì phải chào đầy đủ toàn bộ chủng loại và số lượng hàng hoá của các Nhóm hàng hóa đó. VTM sẽ không xem xét đánh giá HSCG của NCC chào không đủ chủng loại và số lượng hàng hóa mà VTM yêu cầu.

4.2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng là: Kho vật tư - Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung - Khu Công nghiệp Tăng Loỏng - Huyện bảo Thắng - Tỉnh Lào Cai (Bên mua chịu trách nhiệm xuống hàng).

b) Thời gian giao hàng:

Chi tiết theo Mục 1, chương II của HSMCG này (Phạm vi, thời gian cung cấp

hàng hóa).

4.3. Thanh toán:

Bên mua sẽ thanh toán cho bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên bán hoàn thiện các hồ sơ thanh toán theo điều khoản của hợp đồng.

4.4. Bảo hành:

Thời hạn bảo hành của hàng hóa: Chi tiết như tại Mục 1 Chương II Phạm vi yêu cầu của đơn hàng (kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu, kiểm nhập hàng hóa), NCC phải chịu tất cả các chi phí bảo hành, phát sinh (nếu có) khi thực hiện trách nhiệm bảo hành;

4.5. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hoá được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ.

5. Chi phí tham gia chào giá, đồng tiền và ngôn ngữ trong HSCG

5.1. NCC phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia chào giá.

5.2. Đồng tiền ghi trong HSCG và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

5.3. HSCG cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến HSCG được trao đổi giữa Bên mời chào giá và NCC phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSCG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu NCC gửi bổ sung.

6. Nội dung HSCG

NCC phải chuẩn bị 01(một) bản gốc; 03 (ba) bản chụp; 01 (một) file mềm HSCG (lưu giữ bằng USB), bao gồm các nội dung sau:

6.1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Biểu giá theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, NCC phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

6.2. Bảo lãnh tham gia chào giá

- Hình thức bảo lãnh tham gia chào giá:

+ Bảng thư bảo lãnh do ngân hàng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá (Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung; Tài khoản số 116 606 029 999 tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam - CN Lào Cai), bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

+ Bảng tiền mặt.

- Giá trị của bảo lãnh tham gia chào giá: Giá trị của bảo lãnh tham gia chào giá cho đơn hàng này là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

- Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tham gia chào giá (bằng thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá + 30 ngày), (theo Mẫu số 09, Chương III- Biểu mẫu)

6.3. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của NCC theo quy định tại Mục 3 của HSMCG này.

6.4. Các điều kiện thương mại: Thời gian, địa điểm giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có) theo Mẫu số 05, Chương III- Biểu mẫu.

6.5. Bản kê khai năng lực tài chính của nhà cung cấp (Theo mẫu số 07, Chương III-Biểu mẫu)

6.6. Bảng kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm cả các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 08, Chương III-Biểu mẫu.

6.7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 10, Chương III-Biểu mẫu.

6.8. Thỏa thuận liên danh trong trường hợp NCC liên danh (Theo mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu).

7. Thời hạn hiệu lực của HSCG

Thời gian có hiệu lực của HSCG tối thiểu 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSCG.

8. Nộp, tiếp nhận, mở HSCG

8.1. HSCG phải được đựng trong phong bì đóng kín, có đóng dấu niêm phong của NCC và phải được gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tới Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung (Địa chỉ tại: Khu Công nghiệp Tăng Loong - Huyện bảo Thắng - Tỉnh Lào Cai) không muộn hơn thời gian quy định tại Mục 4 Thư mời chào giá do Bên mua phát hành; Mặt ngoài phong bì phải thể hiện đầy đủ các thông tin sau:

- HSCG cung cấp Thiết bị điện - Tự động hóa theo thư mời số...../VTM-VT ngàytháng.....năm 2022 của VTM.

- Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của NCC;

- Tên HSCG (đơn hàng);

Các HSCG được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp HSCG sẽ không được chấp nhận.

8.2. Các HSCG sẽ được mở công khai tại Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện Kim Việt Trung (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tăng Loong - Huyện bảo Thắng - Tỉnh Lào Cai) theo thời gian quy định tại Mục 5 Thư mời chào giá do Bên mua phát hành.

8.3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của HSCG của các NCC bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên NCC, giá chào, thời gian có hiệu lực của HSCG, thời hạn bảo hành của hàng hoá, v.v... sẽ được lập thành Biên bản để làm cơ sở đánh giá lựa chọn NCC, đồng thời gửi bản chụp biên bản này đến các NCC đã nộp HSCG đúng quy định.

8.4. Bên mời chào giá so sánh các HSCG theo HSMCG. Trong quá trình đánh giá các HSCG, bên mời chào giá có thể mời NCC có HSCG đạt yêu cầu theo HSMCG của bên mời chào giá đến thương thảo hợp đồng.

8.5. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các HSCG cho đến khi công bố kết quả lựa chọn NCC (trừ các thông tin đã được công khai trong buổi mở HSCG).

9. Làm rõ HSCG

9.1. Sau khi mở HSCG, NCC có trách nhiệm làm rõ HSCG theo yêu cầu của

bên mời chào giá. Tất cả các yêu cầu làm rõ của bên mời chào giá và phản hồi của NCC phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSCG của NCC thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm (trong đó bao gồm cả giấy phép bán hàng hoặc giấy xác nhận cung cấp của nhà sản xuất, giấy ủy quyền bán hàng của nhà phân phối độc quyền của nhà sản xuất, nếu HSMCG có quy định) thì bên mời chào giá yêu cầu NCC làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSCG của NCC, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của NCC tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSCG đã nộp và không thay đổi giá chào.

9.2. Sau khi nhận HSMCG, NCC có quyền làm rõ HSMCG bằng cách gửi văn bản yêu cầu Bên mời chào làm rõ nội dung trong HSMCG. Bên mời chào giá sẽ trả lời bằng văn bản trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thư yêu cầu làm rõ và sẽ gửi tới tất cả các NCC tham dự chào giá.

9.3. Trong khoảng thời gian ba ngày kể từ ngày mở HSCG, trường hợp NCC phát hiện HSCG của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm (trong đó bao gồm cả giấy phép bán hàng hoặc giấy xác nhận cung cấp của nhà sản xuất, giấy ủy quyền bán hàng của nhà phân phối độc quyền của nhà sản xuất, nếu HSMCG có quy định) thì NCC được phép gửi tài liệu đến bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của NCC để xem xét, đánh giá.

9.4. Việc làm rõ HSCG chỉ được thực hiện giữa bên mời chào giá và NCC có HSCG cần làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của HSCG và được bên mời chào giá bảo quản như HSCG.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà NCC không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên mời chào giá thì bên mời chào giá sẽ đánh giá HSCG của NCC theo HSCG đã nộp hợp lệ trước đó.

10. Đánh giá HSCG

Việc đánh giá báo giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

10.1. Đánh giá về tính hợp lệ của HSCG:

HSCG được đánh giá là hợp lệ khi được nộp trong khoảng thời gian theo quy định của HSMCG và bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của HSMCG. Cụ thể:

- a) Có bản gốc, các bản chụp và file mềm theo quy định Mục 6 của HSMCG
- b) Có đầy đủ các nội dung khác theo quy định tại Mục 6 của HSMCG;
- c) Có đơn chào giá và biểu giá được đại diện hợp pháp hoặc người được đại diện hợp pháp của NCC ủy quyền ký tên, đóng dấu;
- d) Giá chào ghi trong đơn báo giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với biểu giá;
- e) Thời gian có hiệu lực của HSCG đáp ứng yêu cầu;

f) Bảo lãnh tham gia chào giá đáp ứng mục 6.2 của HSMCG;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSCG với tư cách là NCC chính;

NCC có HSCG được đánh giá là “Đạt” về tính hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu kể trên mới được đưa vào xem xét đánh giá về mặt năng lực và kinh nghiệm.

10.2.Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

NCC được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chí quy định. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chí và quy định như bảng dưới đây.

STT	Mô tả	Yêu cầu	NCC
1	Bản kê khai thông tin về NCC	Có đầy đủ các tài liệu chứng minh các thông tin kê khai của NCC theo quy định tại Mẫu số 06 Chương III của HSMCG.	Phải thỏa mãn yêu cầu này
2	Bản kê khai về năng lực tài chính của NCC	Có đầy đủ các tài liệu chứng minh các thông tin kê khai của NCC theo quy định tại Mẫu số 07 Chương III của HSMCG.	Phải thỏa mãn yêu cầu này
3	Năng lực kinh nghiệm	Có ít nhất 02 hợp đồng cung cấp hàng hóa: Hàng hóa có tính chất tương tự trong vòng 02 năm gần đây tính đến thời điểm đóng hồ sơ chào giá. Trong trường hợp liên danh, yêu cầu tối thiểu một thành viên trong liên danh phải có và cung cấp tài liệu này (bản sao công chứng).	Phải thỏa mãn yêu cầu này

NCC có HSCG được đánh giá là “Đạt” về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu kể trên mới được đưa vào xem xét đánh giá về mặt kỹ thuật.

10.3.Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt”
I. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật và yêu cầu lắp đặt của hàng hóa	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HSMCG. Hàng hóa mới 100%	Đạt
	Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa phù hợp, đáp ứng yêu	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí "đạt", "không đạt"
	câu của HSMCG	
II. Chứng loại và số lượng		
Chứng loại và số lượng	Đáp ứng đúng, đủ chủng loại, số lượng theo yêu cầu của HSMCG.	Đạt
	Không đáp ứng đúng, chủng loại, số lượng theo yêu cầu của HSMCG	Không đạt
III. Về tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa khi giao hàng		
Theo mục I, khoản 3 Nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa thuộc Chương II: Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng	Đáp ứng được yêu cầu của HSMCG về tài liệu để chứng minh được tính hợp lệ của hàng hóa	Đạt
	Không đáp ứng được yêu cầu của HSMCG về tài liệu để chứng minh được tính hợp lệ của hàng hóa	Không đạt
IV. Địa điểm, thời gian cung cấp hàng hóa		
Tiến độ cung cấp hàng hóa	Đáp ứng thời gian giao hàng theo yêu cầu tại mục I Chương II HSMCG	Đạt
	Không đáp ứng thời gian giao hàng theo yêu cầu tại HSMCG	Không đạt
V. Thời gian bảo hành của hàng hóa		
Thời gian bảo hành của hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu tối thiểu của VTM như tại mục I Chương II Phạm vi yêu cầu của đơn hàng (kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu, kiểm nhập hàng hóa)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu tối thiểu của VTM như tại mục I Chương II Phạm vi yêu cầu của đơn hàng (kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu, kiểm nhập hàng hóa)	Không đạt
VI. Các điều kiện chính của hợp đồng		
Điều kiện thương mại	Có cam kết các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại mẫu số 10 Chương III – Biểu mẫu	Đạt
	Không có cam kết các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại mẫu số 10 Chương III – Biểu mẫu	Không đạt

2687
 TỈNH
 SÀI GÒN
 ĐÔNG
 PHƯƠNG
 S. T. L. P.

(Handwritten signature)

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí "Đạt", "không đạt"
VII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng		
Hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn lắp đặt và các dịch vụ sau bán hàng	Có cam kết hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn lắp đặt và các dịch vụ (miễn phí) sau bán hàng	Đạt
	Không có cam kết hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn lắp đặt và các dịch vụ (miễn phí) sau bán hàng	Không đạt

NCC có HSCG được đánh giá là "Đạt" về kỹ thuật khi đáp ứng đầy đủ tất cả các yêu cầu kể trên mới được đưa vào xem xét đánh giá về giá.

10.4. Đánh giá chi tiết về mặt tài chính, thương mại và xếp hạng các HSCG:

Bên mời chào giá dùng phương pháp giá thấp nhất để đánh giá về mặt tài chính của các HSCG gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định đơn giá;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà cung cấp:

HSCG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

10.5. Tổng hợp, xếp hạng các HSCG và kiến nghị trúng chào giá

Trên cơ sở kết quả đánh giá chi tiết các HSCG theo các chỉ tiêu nêu trên, các HSCG đã được đưa vào đánh giá đầy đủ theo trình tự đánh giá như trên, có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được xem xét để lựa chọn cung cấp hàng hóa.

*** Ghi chú:**

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b) Các lỗi khác:

① Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì ghi giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có

điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMCG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

② Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMCG;

③ Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) hoặc dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hay dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

④ Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

⑤ Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSCG của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSCG của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSCG của các NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; Trường hợp trong HSCG của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của đơn hàng làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp duy nhất chỉ có một NCC vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSCG của NCC này; trường hợp HSCG của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của đơn hàng làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn báo giá.

11. Quyết định lựa chọn NCC

NCC được VTM xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp vật tư khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

11.1. Có HSCG đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG;

11.2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các HSCG từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

11.3. Bên mời chào giá có quyền xem xét, so sánh đối với danh mục hàng hóa, vật tư về giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, giá trị giảm giá (nếu có) với giá trong kế hoạch mua sắm của bên mời chào giá để từ đó quyết định lựa chọn và đàm

phán.

12. Công khai kết quả lựa chọn NCC

12.1. Kết quả lựa chọn NCC sẽ được gửi đến tất cả các NCC nộp HSCG đúng thời điểm quy định trong HSMCG theo đường bưu điện, fax, v.v....

12.2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn NCC, nếu có NCC không được lựa chọn gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký hợp đồng, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho NCC.

13. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, NCC được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

a) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đơn hàng này là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

b) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:

- Thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành cho bên hưởng lợi là bên mua;

c) Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực kể từ khi phát hành đến ngày NCC hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng.

d) Điều kiện hoàn trả và tước thu Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

① Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho NCC được lựa chọn trong vòng 15 ngày kể từ ngày NCC thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hợp đồng.

② Trường hợp NCC vi phạm chậm giao hàng cho bên mua quá 20 ngày theo kế hoạch giao hàng tại HSMCG và hợp đồng đã ký (trừ trường hợp bất khả kháng) thì Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ bị tước thu toàn bộ giá trị (ngay từ lần vi phạm đầu tiên).

14. Hợp đồng

NCC được lựa chọn sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 10 Chương III Biểu mẫu của HSMCG này.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

NCC phải cung cấp hàng hóa theo đúng nội dung yêu cầu dưới đây:

I. Phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa

Yêu cầu NCC phải chào đúng danh mục hàng hóa, có các thông số kỹ thuật, tiến độ, giấy tờ kèm theo đáp ứng đúng yêu cầu của VTM và tương thích vào từng Đối tượng và vị trí sử dụng như tại cột 4 bảng dưới đây, cụ thể:

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
Nhóm 1: Thiết bị tự động hóa							
1	Pin dự phòng 6ES7971-0BA00	6ES7971-0BA00 Điện áp: 3.6V Size : AA; Dung lượng : 2400mAh; Kích thước: 14mm x50mm; Hãng sản xuất: Siemens; Xuất xứ: Đức	Pin lithium nuôi nguồn PLC/CNC	Chiếc	4	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
2	Module EM235 6ES7235- 0KD22- 0XA0	6ES7235-0KD22- 0XA0 Module Siemens S7- 200, EM235, 4 AI, DC +/-10V; 1AQ, DC +/- 10V, 12 bit. Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Đo áp suất, độ rung quạt khử bụi 10kV- 1250kW	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
3	CPU Mitsubishi FX2N- 32MR	FX2N-32MR Ngõ vào : 16 Ngõ ra: 16 Điện áp : 110- 220VAC Đồng hồ thời gian thực. Bộ đếm tốc độ cao đến 60kHz. Có thể mở rộng 14 đến 128 ngõ vào/ra. Truyền thông RS232C, RS 485. Nhà sản xuất: Mitsubishi Xuất xứ: Nhật Bản + Chương trình kèm theo	Máy nén khí SA- 220	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
4	Card mở rộng truyền thông Mitsubishi FX2NC-485ADP	FX2NC-485ADP Điện áp: 5VDC Tốc độ truyền dữ liệu: 19200 bit/s Dòng định mức: 150mA Nhà sản xuất: Mitsubishi Xuất xứ: Nhật Bản	Máy nén khí SA-220	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
5	Bộ kết nối biến tần 6SL32550AA002AA A0	6SL32550AA002AA0 Bao gồm cáp kết nối Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Biến tần đồng cơ nghiêng động lò chuyển 55kW	Bộ	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
6	SINAMIC S Power Module 340	6SL3210-1SE31-8UA0 Input: 3AC 380-480V 204A 50/60Hz; Output: 3AC In 178A; Version G; Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Biến tần đồng cơ nghiêng động lò chuyển 55kW	Bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
7	Module điều khiển CU31	6SL3040-0PA00-0AA1 Control Unit Adapter CU31 Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Biến tần đồng cơ nghiêng động lò chuyển 55kW	Bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
8	Module SMC30 (Đọc tín hiệu Encoder)	6SL3055-0AA00-5CA2 Bao gồm giắc cắm kết nối cáp tín hiệu Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Biến tần đồng cơ nghiêng động lò chuyển 55kW	Bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
9	Cáp tín hiệu 6FX20021DC001AB0	6FX20021DC001AB0 SIGNAL CABLE; PREFAB D-CLIQ; Chiều dài: 1M Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Biến tần đồng cơ nghiêng động lò chuyển 55kW	Bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
10	Bộ điều khiển PLC S7-200	6ES7216-2BD23-0XB0 CPU 226 CN AC/DC/RLY Nhà sản xuất: Siemens	Quạt gió AV50, 3DJK	Bộ	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
		Xuất xứ: Đức					
11	Counter Module FM350-1	6ES7 350-1AH03-0AE0 Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Xe kíp lên liệu lò cao 315kW	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
12	Biến tần MICROM ASTER 440:	6SE6440-2UD22-2BA1; Input :3AC 380-480V ±10%; 7.5A; 47-63Hz; Output :3AC 0-INPUT 5.9A 0-650Hz; Motor: 2.2kW;Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Phễu rung lò chuyển Motor: 2.2kW	Chiếc	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
13	Biến tần MICROM ASTER 440 30KW	MICROMASTER 440 6SE6440-2UD33-0EA1 Input: 3AC; 380-480V ±10%; 47-63Hz; 59A; Output: 3AC; 380-480V; 30kW; 62A; 0-650Hz Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức	Dự phòng thay thế cho biến tần xe thiêu kết	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
14	Bộ cách ly tín hiệu WS1525	WS1525 Điện áp: 24VDC Dòng đầu vào: 4-20mA Dòng đầu ra: 4-20mA	Lò chuyển	Chiếc	12	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

Nhóm 2: Thiết bị cao áp 10KV

1	Rơ le kỹ thuật số	MMPR-620HB-3 AC/DC 220V/5A RS485 (Khảo sát thực tế)	Quạt gió chính TK TSK4500-6/1730, 4500 Kw	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
2	Rơ le kỹ thuật số	MLPR-31C-3 DC/AC 220V/5A (Khảo sát thực tế)	Quạt gió chính TK TSK4500-6/1730, 4500 Kw	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
3	Đồng hồ vôn kế	110/0,11kV ERIS 96 110R3kV/110R3V (Kèm mẫu)	Trạm điện 110kV	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
4	Bình hút ẩm	Đồng bộ với máy biến áp (Khảo sát thực tế)	Máy biến áp 10kV/ 2000KVA	chiếc	2		chứng chỉ chất lượng của NSX
5	Động cơ lên giây cốt	ZYJ 66-8D 220VDC, 0.7A, 12r/min 90W Class E,IP20 S2 1 min (Khảo sát thực tế)	trạm điện 10kV	chiếc	10	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
6	Main máy cắt	VDS-990s (Khảo sát thực tế)	trạm điện 10kV	chiếc	10	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
7	Cuộn đóng, cắt	ZO7F 220VDC, R173Ω (Khảo sát thực tế)	trạm điện 10kV	chiếc	20	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
8	Sứ cách điện	TUC Đồng bộ với tủ điện (Khảo sát thực tế)	Trạm điện 10kV	bộ	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
9	Chống sét van	LA42-10 Điện áp định mức: 42kV Chiều cao: 557mm; Chiều dài đường rò: 1477mm Nhà sản xuất: Tập đoàn Tuấn Ân. Xuất xứ: Việt Nam	Trạm biến áp khu nhà ở CBCNV	cái	3	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
10	Chống sét van hạ thế GZ-500	GZ-500	Trạm điện 35KV Mỏ Quý Xa	cái	10	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
Nhóm 3: Thiết bị điều khiển, hiển thị đo lường							
1	Bộ đóng mở van điều tiết	LSDJ-5100, Nhiệt độ làm việc 0-90 °C, Momen: 1600Nm, Tín hiệu điều khiển: 4-20mA, Điện áp: 220V, tần số: 50Hz	Các van điều tiết quạt hút chính, van đầu vào máy	bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
			nghiên trạm phun than				
2	Màn hình hiển thị 6AV6 648- 0BC11- 3AX0	6AV6 648-0BC11- 3AX0 Nhà sản xuất: Siemens Xuất xứ: Đức + Chương trình	Phun sương	bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
3	Thiết bị truyền động điện	Mã hiệu 381RXC- 80, điện áp 220V, DC 4~20ma, mô men: 800Nm, IP65	Điều khiển đóng mở van điều tiết khí than, không khí trợ đốt lò gió nóng	Cái	3	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
4	Màn hình hiển thị máy nén khí kiểu vít SA-220	260632S11080103 Khảo sát thực tế + kèm theo chương trình	Máy nén khí kiểu vít SA- 220	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
5	Bộ chuyển đổi tín hiệu rung TM301 4	Transmitter-monitor TM301 4-Wire Vibration PN:TM301-A02-B00- C00-D00-E00-F00- G00 Full Scale:(0-100) μ m Power: +24VDC SN: SN11131427 www.provibtech.com	Trạm oxy	bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
6	Rada đo mức liệu GDRD59- PHGPHE 2BANA	GDRD59- PHGPHE2BANA Điện áp: 21.6~ 6.4 VDC Tín hiệu ra: 4~20mA, Nhiệt độ hoạt động - 40°C ≤ Ta ≤ 70°C IP67	Hệ thống nghe liệu lò cao, thước thăm tâm lò	Cái	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
Nhóm 4: Dụng cụ đo							
1	Súng bắn nhiệt độ FLuke 566	FLuke 566 Dải đo hồng ngoại: -40 °C đến 650 °C Hãng sản xuất:	Kiểm tra nhiệt độ thiết bị	Cái	10	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
		FLUKE Xuất xứ: Mỹ					theo thiết bị (02 cái có thêm giấy chứng nhận hiệu chuẩn, kiểm định của đơn vị có năng lực)
2	Ampe kìm kẹp dòng KYORITSU U	KEWSNAP200 Hãng sản xuất: KYORITSU Xuất xứ: Thái Lan Phụ kiện: Dây đo, Pin, Hdsd	Sửa chữa điện	cái	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
3	Đồng hồ vạn năng FLUKE 87V	FLUKE 87V Hãng sản xuất: FLUKE Xuất xứ: Mỹ Phụ kiện : Que đo, đầu chíp, Pin 9V, HDSĐ, Que đo nhiệt độ	Sửa chữa điện	cái	6	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
Nhóm 5: Can đo nhiệt, cảm biến nhiệt							
1	Can nhiệt lò vôi	WRN-230 Dài đo: 0 ~ 1300 °C Phân độ: K Vật liệu: NiCr-NiSi Chiều dài: 900x750mm, Đường kính: Ø16mm Chân ren: M27	Lắp vùng 1.2.3 lò vôi	Cái	10	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
2	Can nhiệt WRN-230 0 ~ 700 °C	WRN-230 Dài đo: 0 ~ 700 °C Phân độ: K Vật liệu: NiCr-NiSi Chiều dài: 800mm, Đường kính: Ø20mm	Lắp 12 hộp gió máy thiêu kết	Cái	7	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
3	Can nhiệt WRNK1-163 0 ~ 800 °C	WRNK1-163 Dài đo: 0 ~ 800 °C Phân độ: K Vật liệu: NiCr-NiSi; Chiều dài: 600mm; Đường kính: Ø3mm	Lò cao	Cái	9	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
4	Can nhiệt WRNK1-163 0 ~ 800 oC	WRNK1-163 Dài đo: 0 ~ 800 °C Phân độ: K Vật liệu: NiCr-NiSi Chiều dài: 4200mm, Đường kính: Ø3mm	Lò cao	Cái	4	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
5	Can nhiệt WRR 0 ~ 1800 °C	WRR Dài đo: 0 ~ 1800 oC Phân độ: B Vật liệu: PT Rh30-Pt Rh6 (Bạch kim 30-Bạch kim 6) Chiều dài/chiều sâu cắm: 900/750mm Đường kính: Ø35mm Cổ định bằng nật bích DN50	dự phòng can nhiệt gió nóng lò cao	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
6	Cảm biến nhiệt độ hồng ngoại Jst-300 0-300 độ C	Jst-300 Dài đo: 0-300 độ C Out put: 4-20mA 5V đo nhiệt độ chính xác:1%~2% thời gian đáp ứng 300ms	Cảnh báo quặng nóng trên băng tải S1; S2	Bộ	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
7	Bộ khống chế nhiệt độ YY-DDC-08A 0-500độ C	YY-DDC-08A Điện áp: 220VAC Tần số: 50Hz Dài đo: 0-500độ C	Trạm oxy	chiếc	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
8	Cảm biến áp suất 3151GP-4A22TM7B3C12 0~10KPa	3151GP-4A22TM7B3C12 Điện áp: 12.5~48VDC Dòng điện: 4~20mA Dài đo: 0~10KPa	Đo áp suất khí than thiêu kết	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
9	Cảm biến áp suất 3151DP-4A22TM7B3C12 - 25~0KPa	3151DP-4A22TM7B3C12 Điện áp: 12.5~48VDC, Dòng điện: 4~20mA Dài đo: -25~0KPa	Đo áp suất ống gió hút thiêu kết	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
10	Cảm biến lưu lượng 3151DP-3A22TM7B3C12 0~4KPa	3151DP-3A22TM7B3C12 Điện áp: 12.5~48VDC Dài đo: 0~4KPa	Đo lưu lượng khí than tầng 6 thiêu kết; Đo lưu lượng	Cái	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
			khí than lò vôi				
11	Bộ đo nồng độ khí than SP-1104Plus(CO)	SP-1104Plus(CO) Điện áp: 10~30VDC Tín hiệu đầu ra: 4~20mA Lớp bảo vệ: IP65 Nhiệt độ làm việc: -40~70 0C Kèm đầu đo	Tủ khí than	bộ	3	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
12	Bộ chuyển đổi áp lực BUS501-12Bb IM2D	BUS501-12Bb IM2D Điện áp: 12~36VDC Dải đo : 0~12KPa Lớp bảo vệ: IP65 Tín hiệu đầu ra: 4~20mA DC Kèm đầu đo	Tủ khí than	bộ	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
Nhóm 6: Atomat, Rơ le, Contactor							
1	Aptomat 2P 20A	A9F84220 Số cực: 2P Dòng định mức: 20 A Dòng cắt: 10 kA Điện áp: 400V AC Nhà sản xuất: Schneider Xuất xứ: Ấn Độ	Lắp toàn xưởng	Cái	24	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
2	Aptomat 3P 20A	A9F84320 Số cực: 3P Dòng định mức: 20 A Dòng cắt 10 kA Điện áp: 400V AC Nhà sản xuất: Schneider Xuất xứ: Ấn Độ	Lắp toàn xưởng	Cái	7	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
3	Aptomat 3P 25A	A9F84325 Số cực: 3P Dòng định mức: 25 A Dòng cắt 10 kA Điện áp: 400V AC Nhà sản xuất: Schneider Xuất xứ: Ấn Độ	Lắp toàn xưởng	Cái	2	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
4	Aptomat 3P 32A	A9F84332 Số cực: 3P Dòng định mức: 32 A Dòng cắt 10 kA Điện áp: 400V AC Nhà sản xuất: Schneider Xuất xứ: Ấn Độ	Lắp toàn xưởng	Cái	5	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
5	Aptomat 3P 63A	A9F84363 Số cực: 3P Dòng định mức: 63 A Dòng cắt 10 kA Điện áp: 400V AC Nhà sản xuất: Schneider Xuất xứ: Ấn Độ	Lắp toàn xưởng	Cái	5	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
6	Cầu dao đảo chiều CD 29-60A 3P/600V	CD 29-60A Số cực: 3 Iđm = 60 A Uđm = 600 V Đặc tính sản phẩm: Đảo chiều Nhà sản xuất: Vinakip	Phục vụ sản xuất	chiếc	4	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
7	Cầu dao hộp CDH 3PĐ 150A 3P/600V	CDH 3PĐ 150A Số cực: 3 Iđm = 150 A Uđm = 600 V Đặc tính sản phẩm: Đảo chiều Nhà sản xuất: Vinakip	Lắp cầu dao đảo chiều cho máy nghiền vôi bột lò vôi TK	Bộ	1	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
8	Rơ le nhiệt LRD08C	LRD08C Dòng điện: 2,5-4A Nhà sản xuất: Schneider	Lắp bảo vệ các động cơ rung	Cái	10	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
9	Rơ le nhiệt LRD-21C	LRD-21C Dòng điện: 12-18A Nhà sản xuất: Schneider	Lắp bảo vệ các động băng tải cân	Cái	10	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
10	Rơ le nhiệt LRD12C	LRD12C Dòng điện: 5,5-8A Nhà sản xuất: Schneider	Băng tải C1-1	Cái	5	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
11	Rơ le nhiệt LRD16C	LRD16C Dòng điện: 9-13A Nhà sản xuất: Schneider	Băng tải C0	Cái	5	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
12	Rơ le trung gian 8 chân MY2NJ 220VAC	MY2NJ Điện áp: AC220V Dòng điện: 5A Số chân: 8 chân, kèm chân đế. Nhà sản xuất: Omron	Hệ thống điện toàn xưởng	Cái	50	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
13	Rơ le trung gian	Mã hiệu: MY2N-GS AC220/240 + PYF08A-N Điện áp cuộn dây: 220 / 240 VAC, 50/60 Hz Dòng điện: 5A Số chân: 8 chân, kèm chân đế. Nhà sản xuất: Omron Nhiệt độ làm việc: -55 đến 70°C	Hệ thống xưởng LG	Cái	50		≥6 tháng
14	Rơ le trung gian 14 chân MY4NJ 220VAC	MY4NJ Điện áp: AC220V Dòng điện: 5A Số chân: 14 chân, kèm chân đế. Nhà sản xuất: Omron	Hệ thống điện toàn xưởng	Cái	50	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
15	Rơ le thời gian Omron DH48S-S	Omron DH48S-S Điện áp nguồn: 220VAC; Dòng tiếp điểm 5A-250VAC; Dải thời gian 00s-99h; 8 chân tròn (Có để đi kèm)	Sửa chữa quặng cục	cái	12	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
16	Time Delay JSZ6-4	JSZ6-4 Tiếp điểm: 2NO+2NC Điện áp: 220VAC Dòng điện: 5A Thời gian cài đặt: 0~30s Kèm chân đế Nhà sản xuất: Chint	Thủy lực lò gió nóng đang bị hỏng	cái	4	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
17	Rơ le thời gian LADT2	LADT2 Tiếp điểm: 1NO+1NC Time On- delay Thời gian cài đặt: 0,1~30s Nhà sản xuất: Schneider		cái	5	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
18	Contactơ LC1D150 Q7	LC1D150Q7 Số cực: 3P Dòng định mức: 150A Điện áp: 380VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Cuộn hút: 380VAC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	4	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
19	Contactơ LC1D410 Q7	LC1D410Q7 Số cực: 3P Dòng định mức: 410A Điện áp: 380VAC Cuộn hút: 380VAC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	2	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
20	Contactơ LC1F225 Q7	LC1F225Q7 Số cực: 3P Dòng định mức: 225A Điện áp: 380VAC Cuộn hút: 380VAC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	2	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
21	Contactơ CZO100/20	CZO100/20 Dòng định mức: 100A Điện áp: 220VDC	Cầu trục	Chiếc	2	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
22	Contactơ LC1D09 M7	LC1D09M7 Số cực: 3P Dòng định mức: 9A Cuộn hút: 220VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục Luyện thép động cơ rung Thiên kết	Chiếc	19	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
23	Contactơ LC1D09Q7	LC1D09Q7 Số cực: 3P Dòng định mức: 9A Cuộn hút: 380VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	10	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

m2

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
24	Contactơ LC1D32M7	LC1D32M7 Số cực: 3P Dòng định mức: 32A Cuộn hút: 220VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục Luyện thép Máy mài mẫu QLCL Vít xoắn cân 12,13 Thiếu kết	Chiếc	32	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
25	Contactơ LC1D32Q7	LC1D32Q7 Số cực: 3P Dòng định mức: 32A Cuộn hút: 380VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	17	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
26	Contactơ LC1D65M7	LC1D65M7 Số cực: 3P Dòng định mức: 65A Cuộn hút: 220VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	4	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
27	Contactơ LC1D95M7	LC1D95M7 Số cực: 3P Dòng định mức: 95A Cuộn hút: 220VAC Tiếp điểm phụ: 1NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục Luyện thép Máy nghiền đá vôi Thiếu kết	Chiếc	9	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
28	Contactơ CJ12-100/4;	CJ12-100/4; Số cực: 4P Dòng điện: 100A Điện áp: 220VAC.	Lò trộn	Chiếc	1	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
29	Tiếp điểm phụ LADN31	LADN31 Tiếp điểm: 3NO+1NC Nhà sản xuất: Schneider	Phục vụ sửa chữa	Cái	20	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
30	Tiếp điểm phụ LADN22	LADN22 Tiếp điểm: 2NO+2NC Nhà sản xuất: Schneider	Phục vụ sửa chữa	Cái	70	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
31	Tiếp điểm lực LC1 D410	Tiếp điểm contactor LC1 D410 Chất lượng: 85% Bạc loại A (Kèm mẫu)	Cầu trục	Bộ	112	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
32	Tiếp điểm lực LC1 F225	Tiếp điểm contactor LC1 F225 Chất lượng: 85% Bạc loại A (Kèm mẫu)	Cầu trục	Bộ	212	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
33	Tiếp điểm lực LC1-D150	Tiếp điểm LC1- D150 Chất lượng: 85% Bạc loại A (Kèm mẫu)	Cầu trục	Bộ	112	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
34	Cuộn hút contactor LX1D8Q7	LX1D8Q7 Điện áp: 380V AC 50Hz Cuộn hút Contactor LC1-D150Q7 Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	20	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
35	Cuộn hút contactor LX1D6M5	LX1D6M5 Điện áp: 220V AC 50Hz Cuộn hút Contactor LC1-D65M7 Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	40	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
Nhóm 7: Thiết bị tủ điện, Dây-cáp điện, Đầu cos đồng							
1	Đầu cos Y 1.25-3	Đầu cos Y 1.25-3 phủ nhựa	Phục vụ sửa chữa	Chiếc	120	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX
2	Đầu cos Y 3.5-4	Đầu cos Y 3.5-4 phủ nhựa	Phục vụ sửa chữa	Chiếc	72	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX
3	Đầu cos Y-2-4	Đầu cos Y-2-4 phủ nhựa	Phục vụ sửa chữa	Chiếc	54	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX
4	Đầu cos đồng SC16-8	Đầu cos 16 lỗ 8: SC16-8	Phục vụ sửa chữa điện	Chiếc	268	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX
5	Đầu cos đồng SC25-8	Đầu cos 25 lỗ 8: SC25-8	Phục vụ sửa chữa điện	Chiếc	224	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX
6	Đầu cos 35 lỗ 10	Đầu cos 35 lỗ 10	Sửa chữa động cơ điện	cái	180	≥6 tháng	chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
7	Đầu cos 50 lỗ 11	Đầu cos 50 lỗ 11	Sửa chữa động cơ điện	cái	180	≥6 tháng	chi chất lượng của NSX
8	Đầu cos 70 lỗ 12	Đầu cos 70 lỗ 12	Sửa chữa động cơ điện	cái	180	≥6 tháng	chi chất lượng của NSX
9	Đầu cos đồng 95 lỗ 10	Đầu cos đồng đuôi dài 95 lỗ 10	Phục vụ sửa chữa điện	Chiếc	6	≥6 tháng	chi chất lượng của NSX
10	Dây emay	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.65 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
11	Dây emay	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.70 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
12	Dây emay Ø0.75	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.75 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
13	Dây emay Ø0.80	1EI/AIW Dây trắng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.80 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
14	Dây emay Ø0.85	1EI/AIW Dây trắng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.85 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
15	Dây emay Ø0.90	1EI/AIW Dây trắng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.90 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
16	Dây emay Ø0.95	1EI/AIW Dây trắng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.95 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

M2

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
17	Dây emay Ø0.95	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.10 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
18	Dây emay Ø1.0	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.0 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
19	Dây emay Ø1.15	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.15 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
20	Dây emay Ø1.2	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.2 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

nm

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
21	Dây emay Ø1.25	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.25 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	90	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
22	Dây emay Ø1.3	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.3 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
23	Dây emay Ø1.35	Ø1.35 1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.35 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
24	Dây emay Ø1.4	1EI/AIWDây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.4 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
25	Dây emay Ø1.45	1EI/AIWDây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.45 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	40	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
26	Dây emay Ø1.5	1EI/AIWDây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø1.5 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
27	Dây emay Ø0.6	1EI/AIW Dây tráng men 2 lớp PAI và PEI Tiết diện: Ø0.6 Tiêu chuẩn: IEC 60317-13; NEMA MW 35-C Cấp nhiệt: 220 °C Nhà sản xuất: Công ty TNHH đồng kỹ thuật Korea Việt Nam	Sửa chữa động cơ điện	kg	60	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
28	Ống ghen co nhiệt Ø2mm	Đường kính: Ø2mm Độ dày: 0.28mm Điện áp cách điện: 600V Nhiệt độ co: 125 °C Màu: Đen	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
29	Ống ghen co nhiệt Ø3mm	Đường kính: Ø3mm Độ dày: 0.28mm Điện áp cách điện: 600V Nhiệt độ co: 125 °C Màu: Đen	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX

m₂

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
30	Ống ghen co nhiệt Ø6mm	Đường kính: Ø6mm Độ dày: 0.28mm Điện áp cách điện: 600V Nhiệt độ co: 125 °C Màu: Đen	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chi chất lượng của NSX
31	Vecni cách điện AEV ULTIME G 2000-378	AEV ULTIMEG 2000-378 Cấp chịu nhiệt: F (155 °C) Màu sắc: AEV đỏ. Nhà sản xuất: Aev.co.uk Xuất xứ: Malaysia	Sửa chữa động cơ điện	Lít	40	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
32	Ống ghen cách điện Ø1 mm	Đường kính: Ø1 mm Chất liệu: sợi thủy tinh Lớp phủ: Nhựa silicon Chịu nhiệt: -20°C ~130°C Độ bền điện áp: 1.5kV Xuất xứ: Trung Quốc	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chi chất lượng của NSX
33	Ống ghen cách điện Ø2 mm	Đường kính: Ø2 mm Chất liệu: sợi thủy tinh Lớp phủ: Nhựa silicon Chịu nhiệt: -20°C ~130°C Độ bền điện áp: 1.5kV Xuất xứ: Trung Quốc	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chi chất lượng của NSX
34	Ống ghen cách điện Ø3 mm	Đường kính: Ø3 mm Chất liệu: sợi thủy tinh Lớp phủ: Nhựa silicon Chịu nhiệt: -20°C ~130°C Độ bền điện áp: 1.5kV Xuất xứ: Trung Quốc	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chi chất lượng của NSX
35	Ống ghen cách điện Ø4 mm	Đường kính: Ø4 mm Chất liệu: sợi thủy tinh Lớp phủ: Nhựa silicon Chịu nhiệt: -20°C ~130°C Độ bền điện áp: 1.5kV Xuất xứ: Trung Quốc	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chi chất lượng của NSX

mm

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
36	Ống ghen cách điện phi 8 Ø8 mm	Đường kính: Ø8 mm Chất liệu: sợi thủy tinh Lớp phủ: Nhựa silicon Chịu nhiệt: -20°C ~130°C Độ bền điện áp: 1.5kV Xuất xứ: Trung Quốc	Sửa chữa động cơ điện	m	100	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
37	Ống gen SP9020CM	SP9020CM Đường kính: Ø20 mm Vật liệu: Nhựa PVCTiêu chuẩn: IEC 641-1:1994; IEC614-2-4:1985 Chiều dài: 50M/cuộn https://sino.com.vn/	Phục vụ sửa chữa	Cuộn	16	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
38	Giấy lụa chịu nhiệt cách điện 120°C	Khả năng chịu nhiệt: 0~120 °C Độ dày: 0.3mm Màu sắc: Xanh lá Xuất xứ: Trung Quốc	Sửa chữa động cơ điện	m2	60	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
39	Giấy cách điện Meka Dày 0.25	Dày 0.25	Sửa chữa động cơ điện	m2	60	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
40	Giấy cách điện Meka Dày 0.3	Dày 0.3	Sửa chữa động cơ điện	m2	60	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
41	Giấy cách điện Meka Dày 0.35	Dày 0.35	Sửa chữa động cơ điện	m2	60	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
42	Băng mốt cách điện	Băng mốt cách điện sợi thủy tinh Khả năng chịu nhiệt: 520 °C Độ dày: 0.2mm Bản rộng: 2.5cm Độ dài: 30m/1 cuộn	Sửa chữa động cơ điện	Cuộn	60	≥12 tháng	chỉ chất lượng của NSX
43	Dây dù buộc	Dây dù buộc sợi Ø1.5; dài 50M	Sửa chữa động cơ điện	Cuộn	30	Tiêu chuẩn NSX	
44	Tủ điện ngoài trời Inox 304, dày 2mm, có hai mặt cửa trước	Cao x rộng x sâu: 600mm X 400mm X 200mm, chất liệu inox 304, có 2 cửa, cửa trong để gắn nút bấm đèn báo, cửa mặt bên ngoài gắn ô kính 300mm X 400mm để	Thay tủ điện ngoài trời trọng lực, gió xoáy, lò cao, máng quặng, đúc gang	Cái	11	Tiêu chuẩn NSX	

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
		che chắn nút bấm vào đèn báo.					
45	Tủ điện trong nhà Inox 304, dày 2mm, có hai mặt cửa trước	Cao x rộng x sâu: 500mm X 350mm X 200mm, chất liệu inox 304, có 2 cửa, cửa trong để gắn nút bấm đèn báo, cửa mặt bên ngoài gắn ô kính 300mm X 200mm để che chắn nút bấm vào đèn báo.	Thay tủ điện ngoài trời trọng lực, gió xoáy, lò cao, máng quặng, đúc gang	Cái	10	Tiêu chuẩn NSX	
46	Tủ điện nổi Suntree SH12PN 12 Module	Tủ điện nổi Suntree SH12PN 12 Module Chất liệu nhựa Plastic Có sẵn thanh tiếp địa PE và N Lắp 12 module (12 cb đơn) Mặt meca nhựa mờ Có sẵn lỗ bắt siết cáp	Thay tủ át chiếu sáng hồng không có mặt bảo vệ toàn xương	cái	5	Tiêu chuẩn NSX	
47	Đất sét bịt tủ điện	Đất sét công nghiệp KANGSAI A4	Hệ thống điện	Kg	60	Tiêu chuẩn NSX	chỉ chất lượng của NSX
48	Thanh ray cài tủ điện	Chất liệu: nhôm KT: 1000mm x 35mm x 7mm Độ dày: 1mm	Quạt gió AV50, 3DJK NL	mét	4	Tiêu chuẩn NSX	
49	Máng điện nhựa PVC 25x25x1700	Kích thước 25x25x1700, Chất liệu: Nhựa PVC màu xám	Quạt gió AV50, 3DJK NL	mét	10	Tiêu chuẩn NSX	
50	Dây điện CVV-(2x0.75)	CVV-(2x0.75) Tiết diện: 2x0.75mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Phục vụ sửa chữa điện	m	200	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
51	Dây điện CVV-(2x1.5)	CVV-(2x1.5) Tiết diện: 2x1.5mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Phục vụ sửa chữa điện	m	1.400	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
52	Dây điện CVV-(2x1.5)	CVV-(2x1.5) Tiết diện: 2x2.5mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Phục vụ sửa chữa điện	m	1.800	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
53	Dây điện TP 2x4	CVV-(2x4) Tiết diện: 2x4mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Phục vụ sửa chữa điện	m	200	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
54	Dây điện CVV-(2x10)	CVV-(2x10) Tiết diện: 2x10mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Phục vụ sửa chữa điện	mét	200	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
55	Dây điện CXV-(3x25+1x16)	CXV-(3x25+1x16) Tiết diện: 3x25+1x16 mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Phục vụ sửa chữa điện	mét	400	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
56	Dây điện CVV-3x4+1x2.5	CVV-(3x4+1x2.5) Tiết diện: 3x4+1x2.5mm ² Nhà sản xuất: Trần Phú	Lắp quạt công nghiệp, pa lăng điện	m	200	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
57	Dây cáp hàn M50-KOREA	M50-KOREA Tiết diện: 50mm ² Xuất xứ : Hàn Quốc.	phục vụ hàn sửa chữa	m	400	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
58	Dây điện chịu nhiệt 2x1.0mm ²	Dây chịu nhiệt 2x1.0mm ²	Đồng hồ đo nhiệt độ	Mét	480	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
59	Cáp điện mềm từ 2x16mm ²	Tiết diện: 2x16mm ² Cáp đồng mềm nhiều sợi vỏ cao su, lõi bố đay chống giãn (lõi cáp chịu lực phi 6) Nhà sản xuất: HWASAN Xuất xứ: Hàn Quốc	Cầu trục mềm từ	Mét	160	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
60	Cáp điện chịu nhiệt 3x2.5+1x1.5	Cáp điện chịu nhiệt 3x2.5+1x1.5 (bọc ngoài silicon chịu nhiệt cao ≥150 độ C)	Động cơ máy kéo nắn	Mét	380	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
61	Cáp đồng mềm nhiều sợi 3x25+1x16 mm ²	Tiết diện: 3x25+1x16 mm ² Cáp đồng mềm nhiều sợi vỏ cao su, lõi bố đay chống giãn (lõi cáp chịu lực phi 6) Nhà sản xuất: HWASAN Xuất xứ: Hàn Quốc	Cáp điện xe bàn	Mét	750	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
62	Dây cáp điện VCM-(1x16)	VCM-(1x16) Tiết diện: 1x16mm ² Màu sắc: Vàng sọc xanh Nhà sản xuất: Trần Phú	Tiếp địa chống sét NL	mét	500	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
63	Cáp dệt điều khiển 24Cx0.75 mm ²	24Cx0.75mm ² Vỏ: Cao su Có lõi thép chịu lực Nhà sản xuất: Imatek	Cầu trục LT	Mét	300	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
64	Rulo cuốn cáp điện kiểu lò xo ALE-1030-3	ALE-1030-3 Rulo cuốn cáp điện kiểu lò xo. Chiều dài cáp điện: 30m Xuất xứ: Koreel - Hàn Quốc	Quần cáp điện mâm từ LT	Chiếc	2	Tiêu chuẩn NSX	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

Nhóm 8: Thiết bị đặc chủng

1	Máy khử sắt điện từ	Model: LJK-4510 - Phù hợp băng tải B1000; - Chiều cao treo ≤450; - Công suất phản kháng ≤4.3 KW; - Công suất chính: 19KW; - Công suất phụ trợ 17KW; - Băng tải cỡ liệu B800, 7.5KW. - Bộ điều khiển: GLA-LK-4510; - Cảm biến dò kim loại: LJT-10, AC220V, (KT 500x1320) Kích thước cơ bản: 3512x1263x1200	Lắp đặt cho băng tải S1, S2 khử dị vật là sắt thép, ghi gây rách băng tải	Bộ	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
---	---------------------	---	---	----	---	-----------	---

Nhóm 9: Thiết bị cân băng tải

1	Bo mạch điều khiển SH68, US 94V-0, E257309	SH68, US 94V-0, E257309 (có hình ảnh kèm theo)	Dự phòng cân băng tải phối liệu. Thay thế bo mạch bị hỏng	Cái	2	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
---	--	--	---	-----	---	-----------	---

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
2	Cảm biến tốc độ + giắc cắm đầu dây	PNCML18-8DN	Cân băng phối liệu	Bộ	5	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
3	Bộ tích phân cân băng tải chuyên dụng CPWEBE LT	CPWEBELT (dùng được cho cả Loadcell số và analog; có các đầu ra rơ le để chỉ thị các cảnh báo về khối lượng, năng suất.. ; màn hình hiển thị tức thời giá trị năng suất (kg/h, tấn/h), khối lượng tổng (kg, tấn); bàn phím chống nước 10 phím chức năng, cổng truyền thông RS232, RS485; cổng output 4-20mA báo năng suất tức thời, điều khiển biến tần (PID); cổng input 4-20mA nhận năng suất đặt; đầu ra xung đếm tổng khối lượng; 8 điểm chỉnh tuyến tính; đạt chứng chỉ CE-M	Dự phòng cân băng tải phối liệu	Cái	1	≥12 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
4	Cảm biến cân băng (Loadcell)	STG50 Tải trọng: 50kg, Độ nhạy: 3mV/V, Vật liệu: Thép không gỉ, Load cell dạng kéo chữ Z Cấp bảo vệ: IP67 Nhà sản xuất: DINI AREO ITALY	Thay thế cảm biến cân băng khác do tỉ lệ phối quặng rất thấp 1-2%	Cái	4	≥12 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
5	Cảm biến cân băng (Loadcell)	STG100 Tải trọng: 100kg, Độ nhạy: 3mV/V, Vật liệu: Thép không gỉ, Load cell dạng kéo chữ Z Cấp bảo vệ: IP67 Nhà sản xuất: DINI AREO ITALY	Dự phòng thay thế cho cân băng tải phối liệu	Cái	2	≥12 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
6	Loadcell cầu cân	C16 AC3/40T Tải trọng tối đa (Emax): 40T Điện áp: 5VDC Điện trở đầu vào (Đen-xanh): 700±20Ω Điện trở đầu ra (Đỏ-trắng): 706±3.5Ω Cấp bảo vệ: IP68 Nhà sản xuất: HBM	Dùng dự phòng cho cầu cân	Cái	2	≥12 tháng	chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
Nhóm 10: Thiết bị điện tổng hợp							
1	Bộ nguồn SE-1500-24	SE-1500-24 Input: 180~264 VAC Output : 24V; 0~62.5A Nhà sản xuất: Mean Well	Trạm oxy	chiếc	2	≥6 tháng	chứng chỉ chất lượng của NSX
2	Bộ nguồn SE-450-24	SE-450-24 Input: 115/230VAC Output : 24V; 0~18.8A Nhà sản xuất: Mean Well	Quạt gió AV50, 3DJK NL	Bộ	2	≥6 tháng	chứng chỉ chất lượng của NSX
3	Máy biến áp 5KVA 380V/220V	Máy biến áp 5KVA 1 Pha; Điện áp vào: 380V. Điện áp ra 220V/200V; 100% Dây đồng	Lắp nguồn điều khiển các cầu trục	Cái	5	≥6 tháng	chứng chỉ chất lượng của NSX
4	Máy biến áp cách ly	Máy biến áp cách ly công suất 660VA , điện áp vào 380V(1P), điện áp ra 220V/200V (1P), hiệu suất 100-120%, nhiệt độ làm việc 0-70°C, 100% Dây đồng, kích thước 145mm x 150mm x 150mm	Lắp đặt trên cầu trục	Cái	5	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
5	Biến dòng điện LMZJ1-0.5	LMZJ1-0.5 0.5kV; Tỉ số: 50/5 5VA-3.75VA	Quạt gió AV50	chiếc	3	≥6 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
6	Biến dòng điện LMZJ1-0.5	LMZJ1-0.5 0.5kV; Tỉ số: 50/5 5VA-3.75VA	Quạt gió AV50	chiếc	3	≥6 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
7	Bộ cảm biến dòng điện H1108008	H1108008 (HS92001), 5A, 4-20mA, AC220V	Máy nén khí	chiếc	5	≥6 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
8	Bộ đánh lửa cao áp HYDH-20B	Mã hiệu: HYDH-20B AC=220V±10%, 50Hz Dòng điện: ≤5A Điện áp đầu ra:DC2500V Hiệu suất: 40J	Tháp phóng tán khí than	chiếc	1	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
9	Còi báo có đèn phi 22 220VAC, màu đỏ	Mã hiệu: NP116 - 22DS; Nguồn: 220VAC; Kích thước: 22mm; Loại: Mào đỏ, còi báo có đèn	Lò chuyển và đúc	Chiếc	4		Cam kết chất lượng
10	Còi báo có đèn phi 22 24DC, màu đỏ	Mã hiệu: NP116 - 22DS; Nguồn: 24VDC; Kích thước: 22mm; Loại: Mào đỏ, còi báo có đèn	Lò chuyển và đúc	Chiếc	4		Cam kết chất lượng
11	Chỉnh lưu ZLKS1-170-6	Chỉnh lưu ZLKS1- 170-6 Input 380VAC Output DC170V	Động cơ cắt giữ thanh dẫn giá; Xe bàn	Chiếc	4		Cam kết chất lượng
12	Chỉnh lưu KZS-1	Chỉnh lưu: KZS-1 U vào=220VAC, Ura =90VDC	Tang quán xe bàn	Chiếc	6		Cam kết chất lượng
13	Tụ điện 2.5μF	Tụ quạt trần CBB61 - 2.5μF±5%, 400VAC 50/60Hz	Quạt trần toàn xương	Chiếc	10		Cam kết chất lượng
14	Quạt treo tường công nghiệp Komatsu KM-500	Sải cánh 50cm, công suất 160W	Lắp tại các phòng trực, điều khiển	Cái	15	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

12

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
15	Quạt tản nhiệt YSWF102 L35P4- 570N- 500S	(Động bộ động cơ và cánh quạt): YSWF102L35P4- 570N-500S; 1400r/min; AC380V/50HZ; 380W	Kết làm mát dầu thủy lực (Lắp đặt cho kết làm mát kiểu bằng gas: HWY-150YAF0 916)	Chiếc	10	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
16	Băng dính cách điện	10kV 3M	Bọc đầu cốt động cơ 10Kv	Cuộn	44		Cam kết chất lượng
17	Bột gem 250A	250A giảm điện trở	Tiếp địa chống sét NL	kg	200		Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
18	Bộ điều khiển từ xa cầu trục JuuKo K600	Bộ điều khiển từ xa cầu trục JuuKo K600 Dây tần số sóng: 433.0795MHz and 434.74MHz Khoản cách hoạt động: 100 M Điện trở anten: 50Ω Thời gian tác động: 50ms – 100mS Nguồn tay phát: (AAA) 1.5V x2 Nguồn điện bộ thu: AC/DC 90V – 460V Cấp độ bảo vệ : IP65 Kích thước : 193x57x51 mm Kênh sóng: 12.5KHz.	Lắp cho palăng lò gió nóng, đỉnh lò cao, sàn mát gió	cái	5	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX, tài liệu theo thiết bị
19	Tay lấy điện	1P-500A	Cầu trục kho than	Cái	15	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
20	Má gang lấy điện	Má gang lấy điện JD500-1200A (Chổi than JD/500A-	Cầu trục	Chiếc	240	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
		1200 A)					
21	Chổi than 201	J201 (20x40x62)	Động cơ cầu trục kho than TK, LG	Chiếc	44	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
22	Chổi than giá đỡ JD4	JD4 (GB7251.2-1997) JB/T6391	Xe rải liệu, Pa lăng điện	Cái	20	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
23	Má đồng lấy điện	Má đồng lấy điện HJD - 200A	Cầu trục	Chiếc	18	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
24	Chổi than giá đỡ	Chổi than giá đỡ JD4 (GB7251.2-1997) JB/T6391	Xe rải liệu TK	Cái	15	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
25	Chổi than /500A-1200 A	Chổi than JD/500A-1200 A (má gang lấy điện)	Cầu trục Luyện thép	cái	59	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
26	Chổi than 25x10x50 mm	Chổi than 25x10x50 mm	Động cơ cầu trục LG	Cái	20	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
27	Chổi than 25x10x50 mm	Chổi than 12.5 x 40x 50 mm	Động cơ cầu trục LG	Cái	20	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
28	Chổi than than 8x20x32 mm	Chổi than 8x20x32 mm	Động cơ cầu trục LG	Cái	5	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
29	Chổi than 12x32x50 mm	Chổi than 12x32x50 mm	Động cơ cầu trục LG	Cái	11	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
30	Chổi than CH17	Chổi than CH17 25x32x60mm	Quạt gió chính TK-NL	cái	40	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
31	Công tắc hành trình WLCA12-2	WLCA12-2 Cấp bảo vệ : IP67 Nhà sản xuất: Omron Xuất xứ: Nhật Bản	Lò chuyển, đúc	Chiếc	9	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
32	Công tắc hành trình YBLX-22/1	YBLX-22/1 Điện áp: 380V, Dòng điện: 20A, Nhà sản xuất: Chint Xuất xứ: Trung Quốc	Lò chuyển	Chiếc	4	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX

TT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	Đơn vị/vị trí lắp đặt, sử dụng	ĐVT	Số lượng	Thời gian bảo hành	Các yêu cầu khác
1	2	3	4	5	6	8	9
33	Công tắc giật dây dùng băng tải HFKLT2-II	HFKLT2-II Lực tác động : 4-10N Điện áp : 380VAC Dòng điện: 10A Cấp bảo vệ: IP65 Vỏ nhôm đúc	Băng tải toàn xưởng	Cái	20	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
34	Tiếp điểm tay trang ZB2-BE102C-10A/600V	ZB2-BE102C-10A/600V (Tiếp điểm kèm bi cam) Nhà sản xuất: Schneider	Cầu trục	Chiếc	50	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
35	Tay điều khiển XAC-A4813	XAC-A4813 (4 nút và 1 nút dừng khẩn)	Các pa lăng điện	Cái	4	Tiêu chuẩn NSX	Chứng chỉ chất lượng của NSX
36	Bóng đèn	LED TR135ND1/80W.H Công suất: 80W Điện áp: 220V/50-60Hz Quang thông: 7600lm/7400lm Nhiệt độ màu: 6500K Nhà sản xuất: Rạng Đông	Dùng chiếu sáng cho các bộ phận	Bóng	46	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
37	Đui đèn cảm ứng	PIR-E27/300W Điện áp: 220/50Hz Công suất tải: ≤300W Nhà sản xuất: Rạng Đông	Chiếu sáng Khu nghiền quặng cục	Cái	20	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX
38	Đèn đường DDQ100T-PLD	DDQ100T-PLD Công suất: 100w Nguồn điện Done: 2 x 50W; Chíp: Philips Chế độ bảo vệ: IP66 Nhiệt độ màu: 6000K Nhà sản xuất: HK-LED.vn	Phục vụ sản xuất	chiếc	30	≥12 tháng	Co,CQ hoặc chứng chỉ chất lượng của NSX

1. Yêu cầu thông số kỹ thuật:

Đảm bảo các yêu cầu theo danh mục.

2. Địa điểm giao hàng: Kho vật tư - Công ty TNHH Khoáng sản và Luyện

kim Việt Trung.

3. Tiến độ cung cấp: Tùy theo khả năng sẵn có của NCC nhưng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Từ 60 ngày đến 80 ngày đối với hàng hóa nhập khẩu;
- Từ 40 ngày đến 60 ngày đối với hàng hóa sản xuất trong nước.

4. Nguồn gốc xuất xứ: Nhập khẩu hoặc Nội địa.

Tại bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa theo (Mẫu số 08; Chương III – Biểu mẫu NCC phải ghi rõ tên nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa; Tùy từng trường hợp cụ thể, NCC phải thể hiện đầy đủ các giấy tờ kèm theo khi giao hàng như: Chứng nhận xuất xứ CO, chứng nhận chất lượng CQ; Chứng nhận xuất xưởng cụ thể:

- Đối với hàng hóa nhập khẩu, khi chào giá NCC phải ghi rõ “CO, CQ bản gốc” hoặc “CO, CQ bản sao”, theo đó:

+ Trường hợp NCC là nhà nhập khẩu trực tiếp cho riêng đơn hàng này thì NCC phải cấp bản gốc CO, CQ (kèm theo là bản dịch thuật tiếng việt của đơn vị dịch thuật có chức năng về dịch thuật);

+ Trường hợp NCC là nhà nhập khẩu trực tiếp theo lô lớn nhưng chỉ bán một phần cho đơn hàng này thì NCC phải cấp bản sao công chứng CO, CQ của cả lô hàng nhập khẩu để xác định xuất xứ cho các vật tư trong đơn hàng này (kèm theo là bản dịch thuật tiếng việt của đơn vị dịch thuật có chức năng về dịch thuật);

+ Trường hợp NCC không trực tiếp nhập khẩu mà mua lại từ nhà nhập khẩu/nhà phân phối khác để bán cho đơn hàng này thì phải có bản sao CO, CQ do nhà nhập khẩu/nhà phân phối ký, đóng dấu sao y bản chính (kèm theo là bản dịch thuật tiếng việt của đơn vị dịch thuật có chức năng về dịch thuật và văn bản xác nhận của nhà nhập khẩu/nhà phân phối về việc có cung cấp hàng hóa cho NCC theo đúng bản sao CO, CQ);

- Trường hợp hàng hóa là hàng nội địa, phải có giấy chứng nhận xuất xưởng của nhà sản xuất hoặc văn bản tương đương do nhà sản xuất cấp.

5. Đóng gói và vận chuyển: NCC phải cam kết hàng hóa do mình cung cấp phải được đóng gói và vận chuyển theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

6. Tài liệu kèm theo: Khi chào hàng nhà cung cấp kèm theo bản vẽ/catalogue (nếu có) của hàng hóa thể hiện các thông số kỹ thuật lắp đặt tương thích/ đồng bộ với thiết bị thực tế VTM đang sử dụng.

II. Yêu cầu về kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán

1. Kiểm tra, nghiệm thu:

- Khi giao hàng hóa theo hợp đồng, NCC phải kèm theo: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ); Giấy kết quả thử nghiệm; Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với lô hàng để chứng minh hàng hóa đáp ứng yêu cầu.

- Bên mua có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp trước khi nghiệm thu nhập kho để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp, đáp ứng với các yêu cầu của hợp đồng.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp, không đảm bảo với đặc tính kỹ thuật

theo hợp đồng thì bên mua có quyền từ chối không nhận hàng và Nhà cung cấp phải có trách nhiệm cấp đổi hàng. Trường hợp Nhà cung cấp không đáp ứng được thì Bên mời có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà cung cấp chịu theo quy định trong hợp đồng.

2. Nhập kho và các điều kiện thanh toán:

Sau khi hàng hóa được kiểm tra đảm bảo yêu cầu, khi đó Nhà cung cấp xuất hóa đơn bên mua sẽ làm các thủ tục nhập kho hàng hóa theo quy định và hai bên hoàn thiện hồ sơ thanh toán. Bên mua sẽ chuyển tiền thanh toán 95% giá trị hàng hóa trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán theo quy định và giữ lại 5% hoặc Bên mua sẽ chuyển tiền thanh toán 100% giá trị hàng hóa trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán theo quy định và sau khi nhận được bảo lãnh bảo hành của bên Bán (giá trị bảo lãnh bảo hành là 5% tổng giá trị sau thuế của hợp đồng) để bảo hành đảm bảo rằng hàng hóa do Nhà cung cấp đưa vào sản xuất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật nêu tại mục I và thời gian sử dụng đảm bảo mức tối thiểu theo cam kết của Nhà cung cấp trong HSCG.

Handwritten signature

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01: Đơn chào giá

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn báo giá]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo HSMCG]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu HSMCG mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên NCC], cam kết thực hiện đơn hàng _____ [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của HSMCG với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một HSCG này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật, không trong thời gian bị cưỡng chế thuế.
3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các thông tin được nêu trong HSCG trước Bên mời chào giá và trước pháp luật.
4. Cung cấp hàng hoá có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và hợp pháp, nếu sai sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bên Mua
5. Cam kết thực hiện các điều kiện chính của hợp đồng trong Mẫu số 10, chương III Biểu mẫu HSCG do Bên Mua ban hành cùng thư mời chào giá đơn hàng.

Nếu HSCG của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSMCG .

HSCG này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02: Biểu giá chào của hàng hóa

BIỂU GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn báo giá]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo HSMCG]

STT	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 5x6)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
Cộng giá chào trước thuế							
Thuế các loại							
Tổng cộng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn giá tại cột (6) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bên mời chào giá bao gồm các chi phí như: phí, lệ phí (nếu có), vận chuyển, xuống hàng, bảo hành, v.v... Khi tham gia báo giá, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp báo giá theo quy định.

GIẤY ỦY QUYỀN (1)

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm 20....., tại.....

Tôi là [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của [ghi tên Nhà cung cấp] có địa chỉ tại [ghi địa chỉ của Nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá đơn hàng [Ghi tên đơn hàng], do [ghi tên đơn vị phát hành HSMCG] tổ chức:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMCG và văn bản giải trình, làm rõ HSMCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết Hợp đồng với Bên mời chào giá nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [ghi tên Nhà cung cấp]. [Ghi tên Nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày..... đến ngày.....⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ..... bản, người được ủy quyền giữ..... bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu nếu có]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
Nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu (nếu có) trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

THỎA THUẬN LIÊN DANH

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Đơn hàng: [ghi tên đơn hàng tham gia chào giá]

Đơn vị phát hành HSMCG: [ghi tên Đơn vị phát hành HSMCG]

- Căn cứ..... [Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam];

- Căn cứ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ hồ sơ mời chào giá đơn hàng [ghi tên đơn hàng] ngày..... tháng..... năm 20.....;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:.....Điện thoại:

Fax:

E-mail:.....

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số ngày..... tháng..... năm 20..... (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đơn hàng[ghi tên đơn hàng]của[ghi tên đơn vị phát hành HSMCG].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến đơn hàng này là: [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia đơn hàng này. Trường hợp được chọn là đơn vị cung cấp, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời chào giá theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện đơn hàng [ghi tên đơn hàng] của [ghi tên đơn vị phát hành HSMCG] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

[- Ký đơn chào giá;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMCG và văn bản giải trình, làm rõ HSCG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký hợp đồng, Biên bản nghiệm thu, thanh toán cũng như toàn bộ các văn bản khác có liên quan đến thực hiện cung cấp hàng hóa, vật tư thuộc đơn hàng này.

2. Các thành viên trong liên danh [ghi cụ thể phân công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không được chọn là nhà cung cấp;

- Hủy tham gia chào giá [ghi tên đơn hàng] của [ghi tên đơn vị phát hành HSMCG] theo thông báo của bên mời chào giá.

Thỏa thuận liên danh được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên liên danh giữ bản, và 01 bản được gửi đến mời chào giá cùng với HSCG.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn báo giá]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo HSMCG]

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng;

b) Địa điểm giao hàng;

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa (nếu có):

2. Thanh toán:

3. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Mẫu số 06: Bảng kê khai thông tin về nhà cung cấp

BẢNG KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

.....,ngày.....tháng.....năm 20.....

Tên NCC:[ghi tên đầy đủ của NCC]

Địa chỉ NCC:.....[ghi địa chỉ đầy đủ]

Năng lực kinh doanh:

[ghi các số liệu về

- Kinh nghiệm hoạt động kinh doanh: Từ năm.....đến năm.....

- Doanh thu, lợi nhuận từ năm 2018 đến nay:]

Năng lực lưu kho của NCC:[ghi rõ các thông tin về địa điểm, sức chứa của kho]

Năng lực vận chuyển của NCC: [ghi cụ thể về số lượng phương tiện vận tải, bốc dỡ]

Đại diện theo pháp luật của NCC:

Họ tên.....[ghi đầy đủ họ tên]

Địa chỉ:.....[ghi địa chỉ đầy đủ]

Điện thoại:.....

Fax:.....

E-mail:.....

Web:.....(nếu có)

Nhà cung cấp phải gửi kèm các tài liệu sau:

1. Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Tài liệu chứng minh năng lực tồn trữ, năng lực vận chuyển, bốc dỡ là sở hữu của NCC (giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, đăng kiểm,...) hoặc các hợp đồng thuê kho, thuê phương tiện vận chuyển, bốc dỡ còn hiệu lực.

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh phải kê khai theo mẫu này.

Colson

Mẫu số 07: Kê khai năng lực tài chính của nhà cung cấp

KÊ KHAI NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP

.....,ngày.....tháng.....năm 20.....

Tên NCC:.....[ghi đầy đủ tên NCC]

A. Tóm tắt các số liệu về tài chính trong các năm tài chính gần đây

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Nội dung	Năm 2020
1	Tổng tài sản	
2	Tổng nợ phải trả	
3	Tài sản ngắn hạn	
4	Tổng nợ ngắn hạn	
5	Doanh thu	
6	Lợi nhuận trước thuế	
7	Lợi nhuận sau thuế	

B. Tài liệu gửi đính kèm nhằm đối chứng với các số liệu mà NCC kê khai, NCC nộp Báo cáo tài chính bản chính được kiểm toán năm 2020 hoặc bản chụp được xác nhận của cơ quan thuế và một trong các tài liệu sau:

1. Biên bản kiểm tra quyết toán thuế năm 2020.
2. Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của Cơ quan thuế hoặc tổ chức tín dụng về thời điểm đã nộp tờ khai năm 2020.
3. Văn bản xác nhận của Cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế năm 2020.

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Trường hợp liên danh, yêu cầu từng thành viên trong liên danh phải kê khai theo mẫu này.

Mẫu số 08: Bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa

BẢNG KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn báo giá]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo HSMCG]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo HSMCG]

TT	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Năm sản xuất	Tài liệu kèm theo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của hàng hóa được báo giá.

Calcut

Mẫu số 09: Bảo lãnh tham gia chào giá

BẢO LÃNH THAM GIA CHÀO GIÁ(1)

....., ngày tháng năm 20.....

Kính gửi: [ghi tên bên mời chào giá](sau đây gọi là bên mời chào giá)

Căn cứ vào việc [ghi tên nhà cung cấp tham gia chào giá], sau đây gọi là “nhà cung cấp”, sẽ tham gia chào giá [ghi tên đơn hàng] của [ghi tên bên mời chào giá].

Chúng tôi [ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính] có trụ sở đăng ký tại [ghi địa chỉ của ngân hàng, tổ chức tài chính], xin cam kết với bên mời chào giá bảo lãnh cho nhà cung cấp tham gia chào giá đơn hàng này bằng một khoản tiền là [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời chào giá khoản tiền nêu trên khi bên mời chào giá có văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm các quy định về tham gia chào giá nêu trong HSMCG. ⁽²⁾

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____ ngày kể từ ngày _____. Bất cứ yêu cầu nào của bên mời chào giá liên quan đến bảo lãnh này thì [ghi tên ngân hàng, tổ chức tài chính] phải nhận được trước khi kết thúc thời hạn nói trên.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo lãnh tham gia chào giá là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính

(2) Trường hợp nhà cung cấp liên danh tham gia chào giá và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm tham gia chào giá hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm tham gia chào giá cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho bên mời chào giá khoản tiền nêu trên khi bên mời chào giá có văn bản thông báo nhà cung cấp hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh tham gia chào giá với nhà cung cấp vi phạm các quy định về tham gia chào giá nêu trong HSMCG.”

Mẫu số 10: Các điều kiện chính của hợp đồng

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng:
2. Nhà sản xuất :
3. Xuất xứ :
4. Chất lượng hàng hóa: mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất năm
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá:

II. Hình thức hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:

2. Phương thức thanh toán:

3. Bộ chứng từ thanh toán: *(Tuỳ thuộc vào đặc tính hàng hoá, bên mời chào giá quy định cụ thể về bộ chứng từ thanh toán trên cơ sở tham khảo các chứng từ thanh toán được đề cập dưới đây)*

- Văn bản đề nghị thanh toán của bên Bán;
- Hoá đơn GTGT (hợp lệ);
- Bản gốc Biên bản giao nhận hàng hoá/Biên bản kiểm nhập vật tư có xác nhận của đại diện giao nhận hàng của bên Mua;
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO), giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (CQ).
- Giấy chứng nhận xuất xưởng.
- Giấy kết quả thử nghiệm đối với các loại băng tải chịu nhiệt của đơn vị độc lập được Nhà nước cấp phép.
- Giấy cam kết của NCC trong đó cam kết các nội dung về (chất lượng, xuất xứ và tính xác thực của các giấy tờ mà NCC cấp cho bên mua).

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận: *(Giao tại kho Bên Mua.)*
2. Thời gian giao hàng: Theo mục I, chương II - Phạm vi yêu cầu của đơn hàng. Hàng có thể giao 1 lần hoặc từng phần theo yêu cầu của bên mời chào giá.
3. Xác định khối lượng giao nhận:
 - Phương pháp:

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Giá trị, hình thức và thời hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng.

VI. Bảo hành

1. Thời hạn bảo hành: tháng kể từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu hàng hoá.
2. Hình thức xử lý hàng hoá theo bảo hành:

VII. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NCC**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
BÊN MỜI BÁO GIÁ**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]